

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 10
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 278/2026/HS-ST
Ngày 14-5-2026

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Lý Thường Đông.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đặng Văn Ân.

Ông Lê Trung .

Thư ký phiên tòa: ông Phan Trọng Tường – Thư ký Tòa án.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 10 - Thành phố Hồ Chí Minh
tham gia phiên tòa:*** bà Nguyễn Thị Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 5 năm 2026 tại Trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 10 - Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 384/2026/HSST ngày 20 tháng 4 năm 2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 1644/2026/QĐXXST-HS ngày 28 tháng 4 năm 2026 đối với các bị cáo:

1. Võ Văn Đ, sinh năm 1994 tại Thành phố Hồ Chí Minh; giới tính: nam; nơi đăng ký thường trú: 4 N, phường V, Thành phố Hồ Chí Minh; chỗ ở: Không nơi cư trú nhất định; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ học vấn: 05/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; con ông Võ Văn T (đã chết) và bà Huỳnh Thị T1; bị cáo có vợ và 03 người con, lớn nhất sinh năm 2013, nhỏ nhất sinh năm 2017; tiền án: không; tiền sự: không;

Nhân thân: Ngày 04/9/2019, bị Toà án nhân dân huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 01 năm tù về tội “Chống người thi hành công vụ” (Bản án số 43/2019/HSST), chấp hành xong hình phạt tù ngày 15/9/2020 tại Trại giam T6, đã đóng án phí.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 28/01/2025 cho đến nay; bị cáo có mặt tại phiên tòa;

2. Phạm Thị Đ1, sinh năm 1996 tại Cần Thơ; giới tính: nữ; nơi đăng ký thường trú: Ấp A, xã A, Thành phố Cần Thơ; chỗ ở: A L, Ấp D, xã N, Thành phố H; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ học vấn: 06/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; con ông Phạm Đình C (đã chết) và bà Nguyễn Thị T2; bị cáo có chồng và 02 người con sinh năm 2017 và 2023; tiền án: không; tiền sự: không; bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 28/01/2025 cho đến nay; bị cáo có mặt tại phiên tòa;

3. Phạm Thái T3, sinh năm 1992 tại Vĩnh Long; giới tính: nam; nơi đăng ký thường trú: số nhà C Ấp T, xã H, tỉnh Vĩnh Long; chỗ ở: như trên; nghề nghiệp: Tài xế, trình độ học vấn: 09/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Phạm Thành H và bà Bùi Thị H1; bị cáo chưa có vợ và con;

Tiền án: Ngày 12/11/2024, bị Toà án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre xử phạt 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” (Bản án số 53/2024/HS-ST), bị cáo chưa đi chấp hành án;

Tiền sự: không;

Nhân thân:

- Ngày 08/01/2019, bị Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh ra Quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc thời hạn 15 tháng (Quyết định số 24/QĐ-TA), chấp hành xong ngày 09/01/2020;

- Ngày 30/3/2026 bị Tòa án nhân dân Khu vực 9 – tỉnh Vĩnh Long xử phạt 04 năm tù về tội “Cướp giật tài sản” và 01 năm 06 tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, tổng hợp hình phạt 02 tội là 05 năm 06 tháng tù; tổng hợp với hình phạt 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” tại Bản án số 53/2024/HS-ST ngày 12/11/2024 của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre (nay là Tòa án nhân dân khu vực 9 – Vĩnh Long), buộc bị cáo Phạm Thái T3 phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 06 năm tù (Bản án số 23/2026/HS-ST ngày 30/3/2026).

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 28/01/2025 cho đến nay; bị cáo có mặt tại phiên tòa;

** Những người tham gia tố tụng khác:* Không

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 01 giờ 50 phút ngày 22/01/2025, Tổ tuần tra 363 Công an huyện B phối hợp Công an xã B, Thành phố Hồ Chí Minh tuần tra đến trước địa chỉ 75 P, Ấp D, xã B, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh thì phát hiện thấy Phạm Văn S đang điều khiển xe mô tô biển số 69G1-481.91 chở Phạm Thái T3, nên tiến hành kiểm tra thu giữ trong balo của T3 có 01 ống thủy tinh chứa tinh thể có khối lượng 0,2627 gam là ma túy loại Methamphetamine, T3 khai nhận mua của Võ Văn Đ cất giữ để sử dụng, còn S là tài xế xe công nghệ nên lực lượng Công an đã đưa T3, S cùng vật chứng về trụ sở Công an xã làm việc. Vụ việc sau đó được chuyển đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B giải quyết theo thẩm quyền.

Từ lời khai của Phạm Thái T3, Cơ quan điều tra đã khám xét khẩn cấp phòng trọ nơi ở của Võ Văn Đ và Phạm Thị Đ1 tại địa chỉ A L, Ấp D, xã P, huyện N, thu giữ 08 gói nylon chứa tinh thể có khối lượng 4,1378 gam là ma túy

loại Methamphetamine; 01 bộ dụng cụ sử dụng ma túy, trên ống thủy tinh chứa tinh thể có khối lượng 0,0192 gam là ma túy loại Methamphetamine. Đ khai nhận ma túy đá của Đ cất giữ để bán lại kiếm lời.

Số ma túy thu giữ nêu trên của T3, Đ và Đ1 đã được giám định, kết quả thể hiện tại Kết luận giám định số 2329/KL-KTHS của Phòng K Công an Thành phố H ngày 31/01/2025.

Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra, các bị cáo Võ Văn Đ, Phạm Thị Đ1 và Thái Văn T4 khai nhận như sau:

Đ và Đ1 có quan hệ tình cảm và thường sống chung tại phòng trọ của Đ1, địa chỉ A L, Ấp D, xã P, huyện N. Vào khoảng 09 giờ 00 phút ngày 20/01/2025, Đ gọi điện thoại cho T5 (không rõ nhân thân lai lịch) để mua 01 hộp 5 (05 gam) ma túy đá (MA) với giá 2.200.000 đồng, giao dịch ở đường V, Phường H, Quận D và thanh toán tiền mặt. Sau khi có ma túy, Đ mang về phòng trọ của Đ1 nhưng Đ1 đã đi làm, Đ phân số ma túy vừa mua được thành 09 gói nhỏ và 01 gói lớn rồi cất trong hộp nhựa để trong balo đồ của Đ để bán kiếm lời và sẽ lấy một ít để sử dụng. Đến khoảng 13 giờ 00 phút cùng ngày, Đ bán 01 gói nhỏ giá 200.000 đồng (thanh toán bằng tiền mặt) cho M (không rõ lai lịch).

Đến khoảng 20 giờ 00 phút ngày 21/01/2025, Đ cùng Đ1 đang cùng ở phòng trọ của Đ1, Đ lấy bộ dụng cụ sử dụng ma túy của Đ và đồ một ít ma túy đá vào nỏ thủy tinh và đốt ma túy sử dụng rồi đưa cho Đ1 sử dụng, cả hai thay phiên nhau sử dụng được 03 hơi rồi nằm nghỉ. Khoảng 22 giờ 00 phút cùng ngày, Đ1 đi ra ngoài mua đồ, Đ ở phòng trọ một mình thì Phạm Thái T3 điện thoại cho Đ hỏi mua 200.000 đồng ma túy đá và 01 nỏ thủy tinh giá 50.000 đồng. Tất đi đến trước địa chỉ A L, Ấp D, xã P, huyện N nhận ma túy từ Đ nhưng T3 chưa thanh toán tiền. Sau khi mua ma túy xong, Tất đổ hết vào nỏ thủy tinh rồi bỏ vào ba lô và đặt xe ôm công nghệ do Phạm Văn S là tài xế chở ra Bến xe M tây để về quê thì bị lực lượng Công an phát hiện, thu giữ như đã nêu trên. S không biết T3 đang tàng trữ ma túy.

Trước đó, vào cuối tháng 12, Đ đã mua của T5 01 hộp 5 (05 gam) ma túy đá với giá 2.200.000 đồng, thanh toán bằng tiền mặt, mục đích để bán và lấy một ít để sử dụng. Đ đã bán cho nhiều người không biết rõ nhân thân lai lịch. Trong đó, ngày 19/01/2025 Đ bán cho Tất 200.000 đồng thanh toán bằng tiền mặt rồi Đ lấy một ít ma túy bỏ vào bộ dụng cụ, đốt nóng, Đ hút trước rồi đưa cho Đ1 hút tại phòng trọ của Đ1, Đ và Đ1 thay phiên nhau sử dụng cho đến khi hết ma túy, bộ dụng cụ Đ cất lại và tiếp tục tổ chức sử dụng cùng Đ1 vào ngày 21/01/2025 và đã bị lực lượng Công an thu giữ như đã nêu trên. Đ đã hoạt động mua bán trái phép chất ma túy hơn 01 tháng tính đến ngày bị bắt và đã thu lời bất chính từ việc bán ma túy số tiền 200.000 đồng.

Kết quả xét nghiệm chất ma túy đối với Võ Văn Đ, Phạm Thị Đ1 và Phạm Thái T3 là dương tính với ma túy loại Methamphetamine, Phạm Văn S âm tính với ma túy.

Lời khai của Võ Văn Đ phù hợp với lời khai của Phạm Thị Đ1, Phạm Thái T3 và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Vật chứng thu giữ trong vụ án:

- *Thu giữ của Phạm Thái Tất :*

+ 01 ống thủy tinh chứa ma túy đã được niêm phong, có khối lượng còn lại sau giám định là 0,2214 gam Methamphetamine;

+ 01 điện thoại di động hiệu Nokia có số Imei 1: 35901409292624, Imei 2: 359014093092623 cùng 01 sim có số thuê bao 0986.274.737, T3 sử dụng vào việc phạm tội.

- *Thu giữ của Phạm Thị Đ1:*

+ 01 điện thoại di động hiệu Realme, có số Imei 1: 866420051186156, Imei 2: 866420051186149 cùng 02 sim, sim 1 có số thuê bao 0766.065.949, sim 2 có số thuê bao 0896.031.773, Đ1 không sử dụng vào việc phạm tội.

- *Thu giữ của Võ Văn Đ:*

+ 08 gói nylon chứa ma túy đã được niêm phong, có khối lượng còn lại sau giám định là 4,0443 gam Methamphetamine;

+ 01 bộ dụng cụ sử dụng ma túy gồm 01 chai nhựa và 01 ống hút; 01 ống hút thủy tinh được tách ra khỏi bộ dụng cụ không còn khối lượng ma túy do đã sử dụng hết đã được niêm phong.

+ 02 đoạn ống hút nhựa một đầu cắt nhọn; 05 gói nylon rỗng; 01 quẹt gas;

+ 01 điện thoại di động hiệu S1 có số Imei 1: 354035902223625, Imei 2: 354978662223626 cùng 01 sim có số thuê bao 0792.252.342, Đ sử dụng vào việc phạm tội.

+ 01 xe mô tô biển số 83P2-872.05, số khung: RLCUG0610GY320949, số máy: G3D4E-337058. Qua xác minh do ông Nguyễn Văn D đứng tên sở hữu, ông D đã bán cho một người không rõ lai lịch. Đ khai nhận giữ xe này dùm cho T3. Tất khai nhận xe trên do T3 chiếm đoạt của một người tài xế G (không rõ nhân thân lai lịch) ở tỉnh Bến Tre rồi đến gửi tại phòng trọ của Đ giữ giùm nhưng không nói xe do chiếm đoạt được, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố H đã bàn giao cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh B để xử lý vật chứng theo quy định.

Tại Cáo trạng số: 188/CT-VKS-HS ngày 18/12/2025 của Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 10 - Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố bị cáo Võ Văn Đ về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” và “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 251 và điểm a khoản 2 Điều 255 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); truy tố bị cáo Phạm Thị Đ1 về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 255 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); truy tố bị cáo Phạm Thái T3 về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017)

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 10 - Thành phố Hồ Chí Minh vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

* Áp dụng điểm b khoản 2, khoản 5 Điều 251 và điểm a khoản 2 Điều 255, điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017):

- Xử phạt bị cáo Võ Văn Đ từ 08 năm đến 09 năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” và từ 08 năm đến 09 năm tù về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”. Phạt bổ sung bị cáo số tiền 10.000.000 đồng.

* Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 255, điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017):

- Xử phạt bị cáo Phạm Thị Đ1 từ 07 năm 06 tháng đến 08 năm 06 tháng tù về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”.

* Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017):

- Xử phạt bị cáo Phạm Thái T3 từ 02 năm đến 03 năm tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

* Về xử lý vật chứng:

- Tịch thu nộp ngân sách nhà nước:

+ 01 (một) điện thoại di động hiệu N có số Imei 1: 35901409292624, Imei 2: 359014093092623 cùng 01 sim có số thuê bao 0986.274.737 (*thu giữ của Phạm Thái T3*).

+ 01 (một) điện thoại di động hiệu S1 có số Imei 1: 354035902223625, Imei 2: 354978662223626 cùng 01 sim có số thuê bao 0792.252.342 (*thu giữ của Võ Văn Đ*).

- Tịch thu và tiêu hủy:

+ 01 ống thủy tinh chứa ma túy đã được niêm phong, có khối lượng còn lại sau giám định là 0,2214 gam Methamphetamine.

+ 08 gói nylon chứa ma túy đã được niêm phong, có khối lượng còn lại sau giám định là 4,0443 gam Methamphetamine.

+ 01 bộ dụng cụ sử dụng ma túy gồm 01 chai nhựa và 01 ống hút; 01 ống hút thủy tinh được tách ra khỏi bộ dụng cụ không còn khối lượng ma túy do đã sử dụng hết đã được niêm phong; 02 đoạn ống hút nhựa một đầu cắt nhọn; 05 gói nylon rỗng; 01 quẹt gas.

- Trả lại cho bị cáo Phạm Thị Đ1: 01 (một) điện thoại di động hiệu Realme, có số Imei 1: 866420051186156, Imei 2: 866420051186149 cùng 02 sim, sim 1 có số thuê bao 0766.065.949, sim 2 có số thuê bao 0896.031.773.

Tại phiên tòa, các bị cáo khai nhận hành vi như nội dung vụ án nêu trên và đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi tố tụng, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã được thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Xét thấy lời khai tại phiên tòa của các bị cáo phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, vật chứng của vụ án và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận:

[2.1] Từ ngày 19/01/2025 đến ngày 21/01/2025 bị cáo Võ Văn Đ đã bán ma túy cho nhiều người, trong đó ngày 19/01/2025 bị cáo Đ bán cho bị cáo Phạm Thái T3 01 gói ma túy với giá 200.000 đồng và ngày 21/01/2025 bị cáo Đ bán cho bị cáo Phạm Thái T3 01 gói ma túy với giá 200.000 đồng.

[2.2] Ngoài ra, ngày 19/01/2025 và ngày 21/01/2025 bị cáo Đ còn thực hiện hành vi cung cấp ma túy và dụng cụ sử dụng trái phép chất ma túy để tổ chức sử dụng cùng với Phạm Thị Đ1 tại phòng trọ của Đ1. Còn bị cáo Phạm Thị Đ1 có hành vi cung cấp địa điểm thuộc quyền quản lý của mình để tổ chức sử dụng cùng với bị cáo Võ Văn Đ.

[2.3] Ngày 21/01/2025, bị cáo Phạm Thái T3 có hành vi cất giữ 01 ống thủy tinh chứa tinh thể có khối lượng 0,2627 gam là ma túy loại Methamphetamine trong balo để sử dụng cho bản thân thì bị Công an thu giữ.

Do đó, bị cáo Võ Văn Đ phải chịu trách nhiệm hình sự về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” và tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”; bị cáo Phạm Thị Đ1 phải chịu trách nhiệm hình sự về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” và bị cáo Phạm Thái T3 phải chịu trách nhiệm hình sự về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” như đã nêu trên.

Đối với số ma túy trong bộ dụng cụ có khối lượng 0,0192 gam ma túy Methamphetamine thu giữ của Đ để sử dụng, không đủ định lượng cấu thành tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

[2.4] Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến chính sách quản lý và sử dụng chất ma túy của Nhà nước. Khi thực hiện hành vi tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy, mua bán trái phép chất ma túy và tàng trữ trái phép chất ma túy, các bị cáo đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự, có khả năng nhận thức và điều khiển được hành vi của mình nhưng các bị cáo vẫn cố ý thực hiện hành vi phạm tội

[2.5] Như vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để kết luận:

- Bị cáo Võ Văn Đ phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy” với tình tiết định khung hình phạt “Phạm tội 02 lần trở lên” và phạm tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” với tình tiết định khung hình phạt “Phạm tội 02 lần trở lên”; tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm b khoản 2 Điều 251 và điểm a khoản 2 Điều 255 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

- Bị cáo Phạm Thị Đ1 phạm tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”, với tình tiết định khung hình phạt “Phạm tội 02 lần trở lên”; tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm a khoản 2 Điều 255 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

- Bị cáo Phạm Thái T3 phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Do đó, Cáo trạng truy tố các bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật và cần áp dụng hình phạt nghiêm, cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội trong một khoảng thời gian nhất định; đồng thời phạt bổ sung bị cáo Đ một khoản tiền nhất định và buộc bị cáo Đ giao nộp lại số tiền thu lợi bất chính để nộp ngân sách Nhà nước để răn đe giáo dục các bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

Xét về nhân thân, bị cáo Đ và bị cáo T3 có nhân thân xấu như lý lịch đã nêu, nên khi quyết định hình phạt Hội đồng xét xử có xem xét đến tính chất, mức độ phạm tội cũng như nhân thân của từng bị cáo để áp dụng mức hình phạt cho tương xứng.

[3] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo:

[3.1] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:

+ Ngày 12/11/2024, bị cáo Phạm Thái T3 bị Toà án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre xử phạt 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” (Bản án số 53/2024/HS-ST), tính đến làm phạm tội này bị cáo chưa được xóa án tích mà tiếp tục cố ý phạm tội nên bị áp dụng tình tiết tăng nặng “Tái phạm” quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

+ Bị cáo Võ Văn Đ và Phạm Thị Đ1: không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[3.2] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Riêng bị cáo T3 có bà nội được tặng thưởng Huân chương kháng chiến chống Mỹ cứu nước nên được áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Do đó, khi quyết định hình phạt Hội đồng xét xử có xem xét để giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo.

[4] Về xử lý vật chứng, đồ vật thu giữ:

- Đối với:

+ 01 ống thủy tinh chứa ma túy đã được niêm phong, có khối lượng còn lại sau giám định là 0,2214 gam Methamphetamine (*thu giữ của Phạm Thái T3*);

+ 08 gói nylon chứa ma túy đã được niêm phong, có khối lượng còn lại sau giám định là 4,0443 gam Methamphetamine (*thu giữ của Võ Văn Đ*);

+ 01 bộ dụng cụ sử dụng ma túy gồm 01 chai nhựa và 01 ống hút; 01 ống hút thủy tinh được tách ra khỏi bộ dụng cụ không còn khối lượng ma túy do đã sử dụng hết đã được niêm phong; 02 đoạn ống hút nhựa một đầu cắt nhọn; 05 gói nylon rỗng; 01 que gạt (*thu giữ của Võ Văn Đ*);

Xét đây là vật cấm tàng trữ trái phép và vật không có giá trị sử dụng nên tịch thu và tiêu hủy.

- Đối với:

+ 01 điện thoại di động hiệu Nokia có số Imei 1: 35901409292624, Imei 2: 359014093092623 cùng 01 sim có số thuê bao 0986.274.737 (*thu giữ của Phạm Thái T3*), sử dụng vào việc phạm tội nên tịch thu nộp ngân sách nhà nước.

+ 01 điện thoại di động hiệu S1 có số Imei 1: 354035902223625, Imei 2: 354978662223626 cùng 01 sim có số thuê bao 0792.252.342 (*thu giữ của Võ Văn Đ*), sử dụng vào việc phạm tội nên tịch thu nộp ngân sách nhà nước.

+ 01 điện thoại di động hiệu Realme, có số Imei 1: 866420051186156, Imei 2: 866420051186149 cùng 02 sim, sim 1 có số thuê bao 0766.065.949, sim 2 có số thuê bao 0896.031.773 (*thu giữ của Phạm Thị Đ1*), không sử dụng vào việc phạm tội nên trả lại cho bị cáo Đ1.

- Đối với: 01 xe mô tô biển số 83P2-872.05, số khung: RLCUG0610GY320949, số máy: G3D4E-337058. Qua xác minh do ông Nguyễn Văn D đứng tên sở hữu, ông D đã bán cho một người không rõ lai lịch. Đ khai nhận giữ xe này dùm cho T3. Tất khai nhận xe trên do T3 chiếm đoạt của một người tài xế G (không rõ nhân thân lai lịch) ở tỉnh Bến Tre rồi đến gửi tại phòng trọ của Đ giữ giùm nhưng không nói xe do chiếm đoạt được, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố H đã bàn giao cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh B để xử lý vật chứng theo quy định nên Hội đồng xét xử không xét.

[5] Về án phí: các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[6] Đối với “Trắng” đã bán ma túy cho Đ và “Mập” đã mua ma túy của Đ, do Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố H chưa xác định được nhân thân, lai lịch nên tiếp tục xác minh truy xét, khi có đủ căn cứ sẽ xem xét xử lý sau.

[7] Đối với Phạm Văn S là tài xế xe ôm công nghệ, không biết và không đồng phạm với T3 về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố H không xử lý hình sự với S là có căn cứ.

[8] Từ những nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát đề nghị về tội danh, hình phạt đối với các bị cáo cũng như đề nghị xử lý vật chứng vụ án. Hội đồng xét xử cũng chấp nhận ý kiến của các bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm b khoản 2, khoản 5 Điều 251, điểm a khoản 2 Điều 255, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 35, Điều 38, Điều 55, Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đối với bị cáo Võ Văn Đ:

- Xử phạt bị cáo **Võ Văn Đ** 08 (tám) năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” và 08 (tám) năm về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”. Tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung của 02 tội là 16 (mười sáu) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 28/01/2025.

Phạt bổ sung bị cáo **Võ Văn Đ** số tiền 10.000.000 (mười triệu) đồng để nộp ngân sách nhà nước.

2. Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 255, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 38, Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đối với bị cáo Phạm Thị Đ1:

- Xử phạt bị cáo **Phạm Thị Đ1** 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 28/01/2025.

3. Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 38, Điều 56 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đối với bị cáo Phạm Thái Tất :

- Xử phạt bị cáo **Phạm Thái T3** 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Tổng hợp với hình phạt 06 (sáu) năm tù của Bản án số 23/2026/HS-ST ngày 30/3/2026 của Tòa án nhân dân Khu vực 9 - tỉnh Vĩnh Long, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 08 (tám) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 28/01/2025.

4. Căn cứ Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Buộc bị cáo Võ Văn Đ giao nộp lại số tiền thu lợi bất chính 200.000 (hai trăm nghìn) đồng để nộp ngân sách nhà nước.

- Tịch thu nộp ngân sách nhà nước:

+ 01 (một) điện thoại di động hiệu N có số Imei 1: 35901409292624, Imei 2: 359014093092623 cùng 01 sim có số thuê bao 0986.274.737 (thu giữ của Phạm Thái T3).

+ 01 (một) điện thoại di động hiệu S1 có số Imei 1: 354035902223625, Imei 2: 354978662223626 cùng 01 sim có số thuê bao 0792.252.342 (thu giữ của Võ Văn Đ).

- Tịch thu và tiêu hủy:

+ 01 ống thủy tinh chứa ma túy đã được niêm phong, có khối lượng còn lại sau giám định là 0,2214 gam Methamphetamine.

+ 08 gói nylon chứa ma túy đã được niêm phong, có khối lượng còn lại sau giám định là 4,0443 gam Methamphetamine.

+ 01 bộ dụng cụ sử dụng ma túy gồm 01 chai nhựa và 01 ống hút; 01 ống hút thủy tinh được tách ra khỏi bộ dụng cụ không còn khối lượng ma túy do đã sử dụng hết đã được niêm phong; 02 đoạn ống hút nhựa một đầu cắt nhọn; 05 gói nylon rỗng; 01 quẹt gas.

- Trả lại cho bị cáo Phạm Thị Đ1: 01 (một) điện thoại di động hiệu Realme, có số Imei 1: 866420051186156, Imei 2: 866420051186149 cùng 02 sim, sim 1 có số thuê bao 0766.065.949, sim 2 có số thuê bao 0896.031.773.

(vật chứng trên Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 10 – Thành phố Hồ Chí Minh đang tạm giữ theo Biên bản giao nhận tang tài vật ngày 24/12/2025 giữa Cơ quan CSĐT Công an Thành phố H và Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 10 – Thành phố Hồ Chí Minh).

5. Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

6. Căn cứ Điều 331, Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự: các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân TP. HCM (1);
- Viện kiểm sát nhân dân TP. HCM (1);
- Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 10 - TPHCM (2);
- Cơ quan CSĐT Công an TP. HCM (1);
- Phòng thi hành án dân sự Khu vực 10 - TPHCM (1);
- Phòng hồ sơ nghiệp vụ Công an TP. HCM (1);
- Trại tạm giam Chí Hòa (3);
- Bị cáo (3);
- Lưu Hồ sơ (1);
- Lưu VT (1).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lý Thường Đông



